

Bản án số: 57/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 19-7-2022
V/v tranh chấp HNGĐ - Xin ly hôn,
nuôi con và chia tài sản chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Võ Thị Kim Hoa**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà **Võ Thị Điệp**

Ông **Phạm Phước Tâm**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Bích Vân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 19 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 198/2022/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân gia đình - Xin ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 22/6/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Trần Thị Kim P, sinh năm 1985

Địa chỉ: Ấp 3, xã T, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Anh Phạm Văn P1, sinh năm 1982

Địa chỉ: Ấp 3, xã T, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Tất cả đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai tại tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Kim P trình bày:

- Về hôn nhân: Chị P và anh P1 chung sống với nhau năm 2005, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Cao Lãnh ngày 17/10/2005. Thời gian đầu vợ chồng sống chung hạnh phúc, đến cuối năm 2019, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân không còn hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, không ai quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Vợ chồng ly thân từ năm 2020 cho đến nay, trong thời gian ly thân anh P1 không tìm cách hàn gắn tình cảm. Ngày 31/01/2022, chị P và anh P1 đồng ý ly hôn, đã làm đơn và thống nhất ký tên.

Nhận thấy hôn nhân không đạt được mục đích chị P yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Văn P1.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Phạm Thị Tình N, sinh ngày 13/8/2006 hiện đang sống chung với chị P và Phạm Thị Thanh T, sinh ngày 29/11/2008 hiện đang sống chung với anh P1. Khi ly hôn chị P yêu cầu nuôi con chung Phạm Thị Tình N, đồng ý giao con chung Phạm Thị Thanh T cho anh P1 nuôi dưỡng, cả hai không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Trong quá trình sống chung vợ chồng không có nợ ai và cũng không cho ai vay nợ.

Tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa anh Phạm Văn P1 là bị đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Anh P1 và chị P do mai mối và tiến tới hôn nhân từ năm 2005, vợ chồng có đăng ký kết hôn năm 2005 tại UBND xã T, huyện Cao Lãnh như chị P trình bày. Vợ chồng sống chung không có mâu thuẫn gì lớn, chị P đi đâu làm gì anh không quan tâm. Vợ chồng ly thân từ năm 2020 cho đến nay, trong thời gian này anh có tìm cách hàn gắn tình cảm với chị P nhưng không được, Gia đình 02 bên có khuyên can nhưng vợ chồng vẫn không hàn gắn được tình cảm. Nay anh P1 vẫn còn thương vợ, thương con, nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Trần Thị Kim P.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Phạm Thị Tình N, sinh ngày 13/8/2006 hiện đang sống chung với chị P và Phạm Thị Thanh T, sinh ngày 29/11/2008 hiện đang sống chung với anh P1.

Anh P1 không đồng ý ly hôn với chị P. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh yêu cầu được nuôi con chung Phạm Thị Thanh T, đồng ý giao con chung Phạm Thị Tình N cho chị P nuôi dưỡng, cả hai không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung, thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ gồm:

- Giấy Chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu (Bản photo);
- Giấy trích lục kết hôn Trần Thị Kim P- Phạm Văn P1;
- Giấy khai sinh Phạm Thị Thanh T (Bản sao);
- Giấy khai sinh Phạm Thị Tình N (Bản sao);

- Đơn ly hôn, viết tay, có chữ ký ghi họ tên Phạm Văn P1 và Trần Thị Kim P (bản chính)

Các tài liệu trong hồ sơ các đương sự thống nhất theo biên bản phiên họp công khai và tiếp cận chứng cứ ngày 27/5/2022

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật, xét thấy: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Kim P về việc ly hôn với anh Phạm Văn P1, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Ly hôn, con chung và tài sản chung” theo quy định tại Khoản 1, Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền, xét thấy: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về việc ly hôn giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn hiện đang cư trú tại xã T, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp vụ án nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, theo quy định tại Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung, xét yêu cầu của nguyên đơn:

- Về hôn nhân: Đối với yêu cầu của chị Trần Thị Kim P về việc xin ly hôn với anh Phạm Văn P1 là có căn cứ, bởi lẽ: Tại phiên tòa, chị P và anh P1 đều thừa nhận vợ chồng sống chung với nhau từ năm 2005 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Nghĩa, huyện Cao Lãnh nên hôn nhân giữa chị P và anh P1 là hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc nhưng một thời gian sau thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm trong cuộc sống, hiện tại tình cảm vợ chồng không còn, không quan tâm lẫn nhau và đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay.

Còn việc anh P1 không đồng ý ly hôn với chị P, vì anh P1 muốn hàn gắn gia đình để cùng chăm lo cho các con, nhưng anh P1 không đưa ra được biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng và chị P cũng không đồng ý hàn gắn tình cảm với anh P1. Từ đó, cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị P và anh P1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Kim P.

- Về con chung: Chị P và anh P1 có 02 con chung tên Phạm Thị Tình N, sinh ngày 13/8/2006 hiện đang sống chung với chị P và Phạm Thị Thanh T, sinh ngày 29/11/2008 hiện đang sống chung với anh P1. Khi ly hôn chị P yêu cầu được nuôi con chung Phạm Thị Tình N, đồng ý giao con chung Phạm Thị Thanh T cho anh P1 nuôi dưỡng. Anh P1 không đồng ý ly hôn theo yêu cầu chị P, trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn anh đồng ý giao con chung tên Tình N cho chị P nuôi dưỡng, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Thanh T. Đồng thời, căn cứ vào bản tự khai, cháu Tình N có nguyện vọng được sống chung với chị P và cháu Thanh T có nguyện vọng được sống chung với anh P1.

- Về cấp dưỡng: Chị P là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phạm Thị Tình N và anh P1 là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phạm Thị Thanh T. Tuy

Nên chị P và anh P1 không có yêu cầu người còn lại có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện và phù hợp nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận sự thỏa thuận này của các đương sự.

Giao con chung Phạm Thị Tình N cho chị P là người trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung Phạm Thị Thanh T cho anh P1 là người trực tiếp nuôi dưỡng. Cả hai không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Trần Thị Kim P và anh Phạm Văn P1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Chị P và anh P1 trình bày thống nhất vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Chị P và anh P1 trình bày trong quá trình sống chung vợ chồng không có nợ chung.

[4]. Về án phí:

Căn cứ Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

Chị P phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình về ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007496 ngày 09/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

- Về hôn nhân: Chị Trần Thị Kim P được ly hôn với anh Phạm Văn P1.

- Về con chung:

Chị Trần Thị Kim P được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Phạm Thị Tình N, sinh ngày 13/8/2006. Anh Phạm Văn P1 được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Phạm Thị Thanh T, sinh ngày 29/11/2008. Chị P và anh P1 không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Trần Thị Kim P và anh Phạm Văn P1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí:

Chị Trần Thị Kim P phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị P đã nộp theo Biên lai số 0007496 ngày 09/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND HCL;
- Tòa án Tỉnh;
- Chi cục THADS HCL
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Kim Hoa